

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày 21-3-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 08/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1991 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị V; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 30/5/2017; có mặt.

Nguyễn Văn T1, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1992 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị H5; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 102/2014/HSST ngày 26/6/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 04 năm tù về tội Cướp giật tài sản; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 31/5/2017; có mặt.

Vũ Hà P, sinh ngày 04 tháng 9 năm 1977 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn M1, xã N, huyện D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức H4 và bà Phạm Thị V1; có vợ là Phạm Thị H3 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 19/6/2017, bị tạm giam ngày 21/6/2017; có mặt.

Trần Công T2, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1993 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn B1, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T3 và bà Phạm Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Là người nghiện ma túy trong danh sách quản lý hành chính của chính quyền địa phương; bị bắt, tạm giam ngày 30/5/2017; có mặt.

- Người làm chứng:

Anh Lê Trọng K, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Thôn N1, xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Anh Vũ H2, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn X, xã Z, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 19/3/2017, Nguyễn Văn T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, biển kiểm soát G1chở Nguyễn Văn M đến quán điện tử K1 có địa chỉ ở Tổ dân phố Y, thị trấn N2, huyện T, thành phố Hải Phòng chơi điện tử thì gặp Vũ Hà P là bạn của M đang ở đó. M nảy sinh ý định mua ma túy về sử dụng tại quán K1. M biết T1 đang quản lý hộ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup, biển kiểm soát K5 cho T5 (không xác định được căn cước, lai lịch) nên M đã bảo T1 mang chiếc xe mô tô này đi cầm cố lấy tiền mua ma túy để M, T1, P sử dụng, T1 đồng ý. P đứng ngay cạnh M và T1, biết việc M và T1 trao đổi đi cầm xe mua ma túy về sử dụng chung. Sau đó, T1 chở M về nhà T1 lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup, biển kiểm soát K5 để mang đi cầm cố. Do không cầm cố được nên T1 vay của Đào Văn T3 sinh năm 1969, trú tại xã Đ, huyện T 500.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát K5 làm tin. M chở T1 quay về quán Khủng Long, lúc này P vẫn đang đứng ở khu vực cửa quán chờ M và T1. M bảo T1 cầm 300.000 đồng đi mua ma túy, T1 đưa lại cho M 200.000 đồng, P và M vào quán chơi điện tử. T1 đưa 300.000 đồng cho Trần Công T2 đang chơi điện tử trong quán, bảo T2 đi mua ma túy. T2 đồng ý và gọi điện thoại cho K3 ở xã Đ, huyện T (không xác định được căn cước, lai lịch) để mua ma túy. Khoảng 20 phút sau K3

mang ma túy đến đưa cho T2, T2 mang ma túy vào quán đưa cho T1. Có được ma túy, T1 bảo P lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy P mang theo người ra để sử dụng ma túy tại quán. P đưa cho T1 01 vỏ bao thuốc lá trong có các dụng cụ gồm: 01 nõ thủy tinh, 01 đoạn ống kim loại màu trắng, 01 ống hút nhựa, 01 bật lửa ga. T1 quan sát thấy 01 vỏ chai nhựa (loại chai trà xanh) ở gần chỗ T2 ngồi, T1 nhờ Lê Trọng K lấy hộ vỏ chai nhựa, không nói cho K biết lấy vỏ chai nhựa để lắp dụng cụ sử dụng ma túy. K đang mãi chơi điện tử, không biết T1 lấy vỏ chai làm gì, khi thấy T1 nhờ lấy vỏ chai ngay sát cạnh chỗ K ngồi, K lấy vỏ chai đưa cho T1 rồi chơi điện tử tiếp. T1 lắp xong dụng cụ sử dụng ma túy, xúc ma túy đá cho vào nõ đưa cho P để P tự châm lửa hút. P tiếp tục châm lửa cho M hút ma túy, M hút xong đưa nõ cho P để P đưa cho T1 tự châm lửa hút. T1 đưa cho K tự hút. K hút ma túy xong đưa cho T2 hút. T2 hút ma túy xong đưa lại nõ cho T1. Các đối tượng M, T1, P, T2, K tiếp tục sử dụng mỗi người vài lần. Sau đó, Vũ H2 đang chơi điện tử trong quán đi ra chỗ cả nhóm đang sử dụng ma túy, H2 xin T1 hút 01 hơi ma túy, T1 đồng ý và đưa nõ cho H2 hút. H2 sử dụng xong thì K, T2 tiếp tục sử dụng. Cả nhóm vừa sử dụng xong thì đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 19/3/2017 thì bị Công an kiểm tra phát hiện.

Vật chứng thu giữ: Tại mặt bàn máy tính số 21 một bộ đồ sử dụng ma túy tự chế gồm 01 nõ (tức tẩu) thủy tinh có bám dính tạp chất nghi là ma túy, 01 chai nhựa, 01 đoạn ống nhựa có bám dính tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 túi nilon bên trong đều có bám dính tinh thể màu trắng nghi là ma túy, 01 chiếc bật lửa gắn đầu khò; Của T2 02 nõ thủy tinh, 03 ống hút nhựa, 01 điện thoại Nokia; Của T1 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát G1, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup biển kiểm soát K5.

Tại Bản Kết luận giám định số 534/PC54(MT) ngày 22/3/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Tạp chất bám dính trong nõ (tức tẩu) thủy tinh, 01 đoạn ống nhựa, 01 túi nilon đều có Methamphetamine, không đủ điều kiện xác định trọng lượng chất ma túy có trong mẫu vật.

Tiến hành giám định thành phần nước tiểu của các đối tượng M, T1, P, T2, K và H2 đều dương tính với Methamphetamine. Kết quả xác minh tại Cơ sở cai nghiện ma túy Gia Minh, gia đình và bản thân các đối tượng M, T1, P, K đều không phải là người nghiện ma túy; T2 và H2 là người nghiện ma túy.

Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 19/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1, Vũ Hà P, Trần Công T2 về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; các bị cáo Nguyễn Văn M, Vũ Hà P theo điểm b khoản 2 Điều 197; bị cáo Nguyễn Văn T1 theo điểm b, h khoản 2 Điều 197; bị cáo Trần Công T2 theo khoản 1 Điều 197 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo M, T1, P, T2 đều khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung nêu trên. Các bị cáo đồng ý với tội danh mà Kiểm sát viên luận tội đối với từng bị cáo nhưng đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo M, T1, P, T2 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 xử phạt bị cáo M từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm 06 tháng tù. Áp dụng điểm b, h khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 xử phạt bị cáo T1 từ 10 năm tù đến 11 năm tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 xử phạt bị cáo P từ 08 năm tù đến 09 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 41/2017/QH14 xử phạt bị cáo T2 từ 04 năm tù đến 05 năm tù. Không áp dụng phạt bổ sung đối với các bị cáo. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật. Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

- Về tội danh và khung hình phạt:

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản vụ việc đối với người có hành vi phạm tội, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau: Các bị cáo M và P có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Vũ H2 và Lê Trọng K nên đã phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 với tình tiết định khung

hình phạt là Đối với nhiều người. Bị cáo T1 có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Vũ H2 và Lê Trọng K, đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên đã phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b, h khoản 2 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 với tình tiết định khung hình phạt là Đối với nhiều người và Tái phạm nguy hiểm. Bị cáo T2 có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho Vũ H2 và Lê Trọng K nhưng do bị cáo và Vũ H2 đều là người nghiện chất ma túy nên đã phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 197 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 19/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố các bị cáo như đã nêu trên là đúng pháp luật.

- Về các vấn đề khác:

[3]. Đây là vụ án đồng phạm, phân hóa vai trò những người đồng phạm xét thấy bị cáo M là người đề xuất và thực hành nên vị trí, vai trò cao nhất và hơn các bị cáo khác; Bị cáo T1 là người thực hành tích cực nên vị trí, vai trò cao hơn các bị cáo P và T2 là người thực hành.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, bị cáo P có cha đẻ tham gia quân đội và được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng tặng bằng khen là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 nên có thể xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6]. Về nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo là người đã sử dụng ma túy thể hiện các bị cáo đều có nhân thân xấu.

[7]. Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải áp dụng hình phạt tù từ trên mức khởi điểm của khung hình phạt, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng cho từng bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[8]. Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung, xét các bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản riêng và thu nhập, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[9]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 nỏ thủy tinh, 01 vỏ túi nilon, 01 ống nhựa; 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế (đã tháo phần nỏ thủy tinh để giám định), 01 bật lửa ga, 01 ống kim loại, 02 nỏ thủy tinh, 03 ống hút nhựa do liên quan đến tội phạm và không còn giá trị sử dụng. Đối với 01 chiếc điện thoại Nokia của bị cáo T2 sử dụng để thực hiện tội phạm cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[10]. Trong vụ án này: Đối tượng tên K3 ở xã Đ, huyện T, thành phố Hải Phòng đã bán ma túy cho T2, hiện chưa xác định được căn cước lai lịch nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên tiếp tục điều tra, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Đối với ông Nguyễn Văn K7 là chủ sở hữu quán internet K1, quá trình điều tra xác định ông K7 giao cho anh Nguyễn Văn P1 trông coi, quản lý quán, ông K7, anh P1 không biết và không liên quan đến việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự. Ông K7 có hành vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng hoạt động ngoài khoảng thời gian quy định, Cơ quan Công an huyện Thủy Nguyên đã xử lý hành chính. Đối với ông Đào Văn T3 là người cho T1 vay 500.000 đồng và nhận của T1 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Honda Cup biển kiểm soát K5 để làm tin. Quá trình điều tra T1 đã trả lại cho ông T3 500.000 đồng và giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô trên. Ông T3 không biết T1 vay tiền để đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra Công an huyện Thủy Nguyên không xử lý. Đối với các đối tượng Vũ H2 và Lê Trọng K có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy Cơ quan Công an huyện Thủy Nguyên đã xử lý hành chính. Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 15G1 Công an thu giữ của T1. Quá trình điều tra xác định chủ sở hữu hợp pháp là chị Hoàng Thị N3, sinh năm 1992, trú tại xã Đ, huyện T, là chị dâu của T1. Chị N3 cho T1 mượn xe làm phương tiện đi lại, không biết T1 sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị N3 sử dụng. Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Cup biển kiểm soát K5 Công an thu giữ của T1, quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ, xử lý sau. Các anh Nguyễn Văn T10, Nguyễn Huy T11, Trần Văn T12, Trần Văn T13, Trịnh Duy T14, Lưu Hoàng T15, Phan Đăng T16, Bùi Văn T17 và Nguyễn Đức T18 có hành vi hoạt động ngoài thời gian quy định, không chấp hành quy định về quản lý giờ chơi tại điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng Cơ quan Công an huyện Thủy Nguyên đã xử lý hành chính.

[11]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 197, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt: Nguyễn Văn M 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giam ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Căn cứ vào điểm b, h khoản 2 Điều 197, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt: Nguyễn Văn T1 10 (mười) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giam ngày 31 tháng 5 năm 2017.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 197, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt: Vũ Hà P 08 (tám) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giữ ngày 19 tháng 6 năm 2017.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 197, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt: Trần Công T2 04 (bốn) năm tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt, tạm giam ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu huỷ 01 phong bì niêm phong bên trong có 01 nỏ thủy tinh, 01 vỏ túi nilon, 01 ống nhựa; 01 bộ đồ sử dụng ma túy đá tự chế (đã tháo phần nỏ thủy tinh để giám định), 01 bát lửa ga, 01 ống kim loại, 02 nỏ thủy tinh, 03 ống hút nhựa. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại Nokia của bị cáo Trần Công T2 sử dụng để thực hiện tội phạm. (Các vật chứng có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng).

Về án phí áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn T1, Vũ Hà P, Trần Công T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- CQCSĐT Công an huyện Thủy Nguyên;
- Chính quyền cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư Pháp thành phố Hải Phòng;
- PV27, CAHP;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Vân